

8. TƯƠNG ƯNG TÔN GIẢ VAṄĠSA (VAṄĠSASAMĪYUTTA)

I. KINH XUẤT LY (*Nikkhantasutta*) (S. I. 185)

209. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Vaṅgīsa¹ trú ở Ālavī, tại ngôi đền ở Aggālava, cùng với Tôn giả Nigrodha Kappa,² là vị Giáo thọ sư.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vaṅgīsa là tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa bao lâu, được ở lại để coi ngôi tinh xá.³

Rồi một số đông phụ nữ, sau khi trang điểm, đi đến khu vườn Aggālava để xem tinh xá.

Tôn giả Vaṅgīsa thấy các phụ nữ ấy, tâm sanh bất mãn, bị lòng dục khuấy phá.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa suy nghĩ: “Thật bất lợi cho ta! Thật không lợi cho ta! Thật bất hạnh cho ta! Thật không may cho ta! Vì rằng tâm sanh bất mãn nơi ta, và ta bị lòng dục khuấy phá. Làm thế nào ngay hiện tại có người khác có thể đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta? Hay là ta tự mình đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta?”

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa sau khi tự mình đoạn trừ bất mãn và làm cho thỏa mãn khởi lên, liền ngay trong lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

Với ta đã xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tâm tư nay chạy loạn,
Khởi lên từ đen tối.
Con nhà bậc thượng lưu,
Thiện xảo trong cung pháp,
Ngàn người bắn tứ phía,
Vẫn không bỏ chạy loạn.
Nếu phụ nữ có đến,
Dầu nhiều hơn, đông hơn,
Sẽ không náo loạn ta,
Vì ta trú Chánh pháp,

¹ Xem *Pss. Breth.* 395.

² Xem *Pss. Breth.* 408.

³ Vì là năm đầu mới thọ Đại giới, không khéo léo khi dùng y, bát nên các trưởng lão để lại giữ tinh xá, dù, dép...

Chính ta từng được nghe,
Phật, Dòng Họ Mặt Trời,
Thuyết giảng Niết-bàn đạo,
Ở đây ta ưa thích.
Nếu ta trú như vậy,
Ác ma, ông có đến,
Sở hành ta là vậy,
Ông đâu thấy đường ta.

II. KINH BẤT LẠC (*Aratisutta*) (S. I. 186)

210. Một thời, Tôn giả Vaṇṇisa trú ở Ālavī, tại ngôi đền ở Aggālava cùng với Giáo thọ sư là Tôn giả Nigrodha Kappa.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Nigrodha Kappa sau khi khát thực, ăn xong, trên đường trở về, đi vào tinh xá và không ra khỏi tinh xá cho đến chiều hay ngày mai.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vaṇṇisa tâm sanh bất mãn, bị lòng dục khuấy phá.

Rồi Tôn giả Vaṇṇisa suy nghĩ: “Thật bất lợi cho ta! Thật không lợi cho ta! Thật bất hạnh cho ta! Thật không may cho ta! Vì rằng tâm sanh bất mãn nơi ta, và ta bị lòng dục khuấy phá. Làm thế nào ngay hiện tại có người khác có thể đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta? Hay là ta tự mình đoạn trừ bất mãn nơi ta và làm khởi lên thỏa mãn cho ta?”

Rồi Tôn giả Vaṇṇisa sau khi tự mình đoạn trừ bất mãn và làm thỏa mãn khởi lên, liền ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ này:

Ta⁴ bỏ lạc, bất lạc,
Mọi tâm tư gia sự,
Không tạo một chỗ nào,
Thành cơ sở tham dục.
Ai thoát khỏi rừng tham,
Thoát ly mọi tham dục,
Ly tham không đắm trước,
Xứng danh chơn Tỷ-kheo.

Phàm địa giới, không giới,
Cả sắc giới trong đời,
Mọi vật đều biến hoại,
Mọi sự đều vô thường,
Ai hiểu biết⁵ như vậy,
Sở hành sẽ chơn chánh.

Chúng sanh thường chấp trước,

⁴ Xem S. I. 179 (kinh 203 ở trước).

⁵ *Muttatā. Thag.* viết *mu(t)antā*, được giải thích là sau khi hiểu.

Đôi với các sanh y,
 Đôi vật họ thấy, nghe,
 Họ ngửi, nếm, xúc chạm.⁶
 Ở đây, ai đoạn dục,
 Tâm tư không nhiễm ô,
 Không mắc dính chỗ này,
 Vị ấy danh Mâu-ni.

Đối với sáu pháp trần,
 Thuộc vọng tưởng phi pháp,
 Phàm phu thường chấp trước,
 Chấp thủ và tham đắm.
 Tỷ-kheo không phiền não,
 Không nói lời ác ngữ,
 Sáng suốt, tâm thường định,
 Không dối trá, thận trọng,
 Thoát ly mọi tham ái.

Vị Mâu-ni chứng đạt,
 Cảnh Niết-bàn tịch tịnh,
 Chờ đón thời mệnh chung,
 Với tâm tư vắng lặng,
 Thanh thoát nhập Niết-bàn.

III. KINH NGƯỜI TỪ ÁI (*Pesalasutta*)⁷ (S. I. 187)

211. Một thời, Tôn giả Vaṅḡsa trú ở Ālavī, tại đền Aggālava, cùng với Giáo thọ sư là Tôn giả Nigrodha Kappa.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vaṅḡsa thường hay khinh miệt các vị Tỷ-kheo có giới hạnh tốt khác vì khả năng biện tài của mình.

Rồi Tôn giả Vaṅḡsa suy nghĩ: “Thật bất lợi cho ta! Thật không lợi cho ta! Thật bất hạnh cho ta! Thật không may cho ta! Vì rằng ta khinh miệt các vị Tỷ-kheo có giới hạnh tốt khác vì khả năng biện tài của ta.”

Rồi Tôn giả Vaṅḡsa, tự hối trách mình, liền ngay khi ấy nói lên những bài kệ này:

Đệ tử Gotama,
 Hãy từ bỏ kiêu mạn,
 Và cũng từ bỏ luôn,
 Con đường đến kiêu mạn.
 Nếu hoàn toàn đắm say,
 Trong con đường kiêu mạn,

⁶ Xem *Pss. Breth.* 398, n. 9. Trong trường hợp này, *paṭighe* có nghĩa là ngửi và nếm, *mute* có nghĩa là xúc.

⁷ Bản tiếng Anh của PTS: *Disdaining the Kindly*, nghĩa là *Khinh thường người tốt*.

Sẽ tự mình hồi trách,
Trong thời gian lâu dài.

Những ai khinh khi người,
Vớ khinh khi, kiêu mạn,
Đi con đường kiêu mạn,
Sẽ đọa lạc địa ngục.
Những người ấy sâu khổ,
Trong thời gian lâu dài,
Do kiêu mạn dặt dấn,
Phải sanh vào địa ngục.

Tỷ-kheo không bao giờ
Phải sâu muộn, buồn thảm.
Thắng lợi trên chánh đạo,
Sở hành được chân chánh,
Vị ấy được thọ hưởng,
Danh dự và an lạc,
Chơn thực được danh xưng,
Là bậc hưởng pháp lạc.

Do vậy ở đời này,
Không thô lậu, tinh tấn,
Đoạn trừ mọi triền cái,
Sống thanh tịnh trong sạch,
Và đoạn tận kiêu mạn,
Hoàn toàn, không dư thừa,
Chấm dứt mọi phiền não,
Vớ trí tuệ quang minh,
Ngài được xem là bậc
Sống tịch tịnh an lạc.

IV. KINH ĀNANDA (*Ānandasutta*) (S. I. 188)

212. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khát thực với Tôn giả Vaṅgīsa là Sa-môn thị giả.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vaṅgīsa tâm sanh bất mãn, bị lòng dục quấy phá.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa nói lên bài kệ với Tôn giả Ānanda:

Dục ái đốt cháy tôi,
Tâm tôi bị thiêu cháy.
Thật là điều tốt lành,
Đệ tử Gotama,

Vì lòng từ thương tưởng,
Nói pháp tiêu lửa hừng!

[Ānanda:]

Chính vì điên đảo tưởng,
Tâm ông bị thiêu đốt.
Hãy bỏ chấp tịnh tướng,
Hệ lụy đến tham dục!
Nhìn các hành vô thường,
Khổ đau, không phải ngã,
Dập tắt đại tham dục,
Chớ để bị cháy hoại!
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhất tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập thân niệm trú,
Hành nhiều hạnh yếm ly!
Hãy tập hạnh vô tướng,
Đoạn diệt mạn tùy miên,
Nhờ quán sâu kiêu mạn,
Hạnh ông được an tịnh!

V. KINH KHÉO NÓI (*Subhāsitasutta*) (S. I. 188)

213. Nhân duyên tại Sāvatthi. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Đây đủ bốn đức tánh, này các Tỷ-kheo, lời nói được xem là thiện thuyết, không phải ác thuyết, vô tội và không bị người có trí chỉ trích. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nói lời thiện thuyết, không nói lời ác thuyết; nói lời đúng pháp, không nói lời phi pháp; nói lời ái ngữ, không nói lời ác ngữ; nói lời chơn ngữ, không nói lời phi chơn. Đây đủ bốn đức tính này, này các Tỷ-kheo, lời nói được xem là thiện thuyết, không phải ác thuyết, vô tội và không bị người có trí chỉ trích.

Thế Tôn nói như vậy. Sau khi Thiện Thệ nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Bậc Thiện Nhân dạy rằng:
Thứ nhất là thiện thuyết.
Thứ hai, nói đúng pháp,
Chớ nói lời phi pháp.
Thứ ba, nói ái ngữ,
Chớ nói lời ác ngữ.

Thứ tư, nói chơn thực,
Chớ nói lời phi chơn.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con! Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con!

Thế Tôn nói:

– Nay Vaṅgīsa, ông hãy nói lên cảm nghĩ ấy!

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán thích đáng:

Ai nói lên lời gì,
Lời ấy không khổ mình,
Lại không làm hại người,
Lời ấy là thiện thuyết.

Ai nói lời ái ngữ,
Lời nói khiến hoan hỷ,
Lời nói không ác độc,
Lời ấy là ái ngữ.

Các lời nói chơn thực,
Là lời nói bất tử,
Như vậy là thường pháp,
Từ thuở thật ngàn xưa.

Bậc Thiện Nhân được xem,
An trú trên chơn thực,
Trên nghĩa và trên pháp,
Lời đồn là như vậy.

Lời đức Phật nói lên,
Đạt an ổn Niết-bàn,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Thật lời nói tối thượng.

VI. KINH SĀRIPUTTA (*Sāriputtasutta*) (S. I. 189)

214. Một thời, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) trú ở Sāvatti, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta, với bài pháp thoại đang tuyên thuyết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với lời nói lịch sự, thông suốt, không có pheù phào và với ý nghĩa rõ ràng, minh bạch. Và các vị Tỷ-kheo ấy chú ý, chú tâm, tập trung tâm lực, lắng tai nghe pháp.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa suy nghĩ: “Tôn giả Sāriputta với bài pháp thoại đang

tuyên thuyết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với lời nói lịch sự, thông suốt, không có phều phào và với ý nghĩa rõ ràng, minh bạch. Và các vị Tỷ-kheo ấy chú ý, chú tâm, tập trung tâm lực, lắng tai nghe pháp. Vậy trước mặt Tôn giả Sāriputta, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích đáng.”

Rồi Tôn giả Vaṅḡsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng về Tôn giả Sāriputta và nói với Tôn giả Sāriputta:

– Hiền giả Sāriputta, một cảm nghĩ đến với tôi. Hiền giả Sāriputta, một cảm nghĩ đến với tôi.

– Mong rằng Hiền giả Vaṅḡsa nói lên cảm nghĩ ấy!

Rồi Tôn giả Vaṅḡsa, trước mặt Tôn giả Sāriputta, nói lên những bài kệ tán thán thích đáng:

Trí tuệ thâm, trí giả,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Ngài Sāriputta,⁸
Là bậc Đại trí tuệ.
Chính Ngài đang thuyết pháp,
Cho các vị Tỷ-kheo.

Ngài giảng cách tóm tắt,
Ngài cũng thuyết rộng rãi.
Nhu âm thanh vi diệu,
Của loại chim Sālī.⁹
Tạo ra nhiều cảm hứng,
Cho người nghe Ngài giảng.

Lời Ngài giảng tuôn trào,
Tiếng Ngài nghe ngọt lịm,
Với giọng điệu ái luyến,
Êm tai và mỹ diệu;
Chúng Tỷ-kheo lắng nghe,
Tâm phấn khởi, hoan hỷ.

VII. KINH TỰ TỨ (*Pavāraṇāsutta*) (S. I. 190)

215. Một thời, Thế Tôn ở Sāvattī, Pubbārāma (Đông Viên), Migāramātupāsāda (Lộc Mẫu giảng đường), cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn, nhân ngày trăng tròn Bố-tát Tự tứ, Ngài ngồi giữa trời, xung quanh chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi Thế Tôn, sau khi nhìn quanh chúng Tỷ-kheo im lặng, liền bảo các Tỷ-kheo:

⁸ Mẹ Ngài tên là Rūpasārī, tên gia đình là Upatissa.

⁹ *Sālīkā* = *Sālīkā*: Chim cường, chim sáo.

– Nay các Tỷ-kheo, nay Ta mời các ông nói lên, các ông có điều gì chỉ trích Ta hay không, về thân hay về lời nói?

Được nghe như vậy, Tôn giả Sāriputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng con không có chỉ trích gì Thế Tôn về thân hay về lời nói. Bạch Thế Tôn, con đường chưa sanh khởi, Thế Tôn làm cho sanh khởi; con đường chưa được rõ biết, Thế Tôn làm cho rõ biết; con đường chưa được thuyết giảng, Thế Tôn thuyết giảng. Thế Tôn biết đạo, hiểu đạo, thiện xảo về đạo. Và bạch Thế Tôn, các đệ tử nay là những vị sống hành đạo, và sẽ thành tựu [những pháp ấy] về sau. Và bạch Thế Tôn, con xin mời Thế Tôn nói lên, Thế Tôn có điều gì chỉ trích con hay không, về thân hay về lời nói?

– Nay Sāriputta, Ta không có gì chỉ trích ông về thân hay về lời nói. Nay Sāriputta, ông là bậc Đại trí. Nay Sāriputta, ông là bậc Quảng trí. Nay Sāriputta, ông là bậc Túc trí. Nay Sāriputta, ông là bậc Tiệp trí. Nay Sāriputta, ông là bậc Nhuệ trí. Nay Sāriputta, ông là bậc Thế nhập trí. Nay Sāriputta, ví như trưởng tử, con Vua Chuyển Luân Vương, chơn chánh vận chuyển bánh xe đã được vua cha vận chuyển; cũng vậy, nay Sāriputta, ông chơn chánh chuyển vận Pháp luân vô thượng đã được Ta chuyển vận.

– Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn không có gì chỉ trích con về thân hay về lời nói, vậy bạch Thế Tôn, đối với khoảng năm trăm Tỷ-kheo này, Thế Tôn có gì chỉ trích hay không, về thân hay về lời nói?

– Nay Sāriputta, đối với khoảng năm trăm Tỷ-kheo này, Ta không có gì chỉ trích về thân hay về lời nói. Nay Sāriputta, trong khoảng năm trăm Tỷ-kheo này, sáu mươi Tỷ-kheo là bậc Tam minh, sáu mươi Tỷ-kheo là bậc chứng được Sáu thắng trí,¹⁰ sáu mươi Tỷ-kheo là bậc Câu phần giải thoát, và các vị còn lại là bậc Tuệ giải thoát.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con.

Thế Tôn nói:

– Nay Vaṅgīsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy!

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán thích ứng:

Nay ngày rằm thanh tịnh,
Năm trăm Tỷ-kheo họp,
Bậc Thánh cắt kiết phược,
Vô phiền, đoạn tái sanh.

¹⁰ Xem S. I. 166 (kinh 194 ở trước); S. I. 144 (kinh 176 ở trước).

Như Vua Chuyển Luân Vương,
Đại thần hầu xung quanh,
Du hành khắp bốn phương,
Đất này đến hải biên.

Như vậy các đệ tử,
Đã chứng được Tam minh,
Sát hại được tử thần.
Những vị này hầu hạ,
Bậc Thắng Trận Chiến Trường,
Chủ Lữ Hành¹¹ Vô Thượng.

Tất cả con Thế Tôn,
Không ai là vô dụng.¹²
Xin chí thành đánh lễ,
Bậc Nhỏ Tên Khát Ái!
Xin tâm thành cung kính,
Bậc Dòng Họ Mặt Trời!

VIII. KINH MỘT NGÀN VÀ NHIỀU HƠN (*Parosahassasutta*) (S. I. 192)

216. Một thời, Thế Tôn ở Sāvatti, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) cùng đại chúng Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn với bài pháp thoại liên hệ đến Niết-bàn, thuyết giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và những Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung tất cả tâm tư, lắng tai nghe pháp.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa suy nghĩ: “Nay Thế Tôn với bài pháp thoại liên hệ đến Niết-bàn, đang thuyết giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và những Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung tất cả tâm tư, lắng tai nghe pháp. Vậy trước mặt Thế Tôn, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích ứng.”

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con.

Thế Tôn đáp:

– Nay Vaṅgīsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán thích ứng:

¹¹ *Chú giải:* Vị ấy được sinh ra trong cỗ xe Bát chánh đạo.

¹² *Palāpo.* Theo Ngài Buddhaghosa, từ này có nghĩa “trống không” và “ác”, cũng có nghĩa là nói năng lộn xộn.

Hơn một ngàn Tỷ-kheo,
Hầu hạ bậc Thiện Thệ,
Ngài thuyết pháp vô cầu,
Niết-bàn, không sợ hãi.

Họ nghe pháp vô cầu,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Chánh Giác chói sáng.
Bạch Thế Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long Tượng,
Bậc Ân Sĩ tối thắng,
Trong các vị Ân Sĩ!

Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban đệ tử.
Con từ nghỉ trưa đến,
Muốn yết kiến Đạo Sư.

Ôi bậc Đại Anh Hùng!
Con là đệ tử Ngài,
Con tên Vaṅgīsa,
Đảnh lễ dưới chân Ngài.

– Này Vaṅgīsa, những bài kệ này của ông, có phải ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?

– Bạch Thế Tôn, những bài kệ này của con không phải suy nghĩ từ trước, mà được khởi lên tại chỗ.

– Vậy này Vaṅgīsa, hãy cho khởi nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Vaṅgīsa vâng đáp Thế Tôn và nói lên những bài kệ tán thán Thế Tôn, những bài kệ chưa được suy nghĩ từ trước:

Thắng ác ma, tà đạo,
Ngài sống chường ngại đoạn.
Hãy thấy bậc Giải Thoát,
Thoát ly mọi hệ phược,
Phân tích thành từng phần,
Hắc, bạch pháp phân minh.

Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Mục đích giúp mọi người,
Vượt qua dòng bực lưu,

Chính trên pháp bất tử,
Được Ngài thường tuyên thuyết.
Chúng con bậc pháp kiến,
Vững trú không thối chuyển.

Bậc Tạo Dựng Quang Minh,
Ngài thâm nhập các pháp,
Thấy được chỗ vượt qua,
Tất cả mọi kiến xứ.
Sau khi biết và chứng,
Ngài thuyết tối thượng xứ.

Pháp như vậy khéo giảng,
Ai có thể phóng dật,
Khi được biết pháp ấy,
Pháp khéo giảng như vậy?
Do vậy trong giáo pháp,
Đức Thế Tôn, Thiện Thệ,
Luôn luôn không phóng dật,
Hãy đánh lễ, tu học.

IX. KINH KONAṆṆA (*Koṇaṇṇasutta*) (S. I. 193)

217. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi Tôn giả Aṇṇā Konaṇṇa (Kiền-trần-như), sau một thời gian khá dài, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn, tay xoa bóp chân Thế Tôn và nói lên tên của mình:

– Bạch Thế Tôn, con là Konaṇṇa. Bạch Thiện Thệ, con là Konaṇṇa.

Rồi Tôn giả Vaṅṅīsa suy nghĩ: “Tôn giả Aṇṇā Konaṇṇa này, sau một thời gian khá dài, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn, tay xoa bóp chân Thế Tôn và nói lên tên của mình: ‘Bạch Thế Tôn, con là Konaṇṇa. Bạch Thiện Thệ, con là Konaṇṇa.’ Vậy ta hãy ở trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Aṇṇā Konaṇṇa.”

Rồi Tôn giả Vaṅṅīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y về một bên vai, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con.

Thế Tôn đáp:

– Này Vaṅṅīsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy.

Rồi Tôn giả Vaṅṅīsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Konaṇṇa:

Sau đức Phật hiện tại,
 Trưởng lão được Chánh giác,
 Chính là Koṇḍañña,
 Nhiệt tâm và tinh cần,
 Chúng được an lạc trú,
 Sống viễn ly liên tục.

Thực hành lời Sư dạy,
 Đệ tử chúng được gì,
 Tất cả Ngài chúng được,
 Nhờ tu học tinh tấn.

Đại uy lực Ba minh,
 Thiện xảo tâm tư người,
 Phật tử Koṇḍañña,
 Đánh lễ chân Đạo Sư.

X. KINH MOGGALLĀNA (*Moggallānasutta*) (S. I. 194)

218. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, trên sườn núi Isigili, tại Hắc Sơn,¹³ cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả là bậc A-la-hán. Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên),¹⁴ với tâm của mình biết được tâm các vị ấy đã được giải thoát, không có sanh y.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa suy nghĩ: “Thế Tôn nay trú ở Rājagaha, trên sườn núi Isigili, tại Hắc Sơn cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả là bậc A-la-hán. Tôn giả Mahāmoggallāna, với tâm của mình được biết tâm các vị ấy đã được giải thoát, không có sanh y. Vậy ta hãy ở trước mặt Thế Tôn nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Mahāmoggallāna.”

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con.

Thế Tôn đáp:

– Nay Vaṅgīsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy.

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Mahāmoggallāna:

Cao trên sườn đồi núi,
 Những vị chứng Ba minh,
 Những vị đoạn tử thân,
 Các đệ tử hầu hạ,

¹³ Xem S. I. 120 (kinh 159 ở trước).

¹⁴ Về thần lực của Moggallāna, xem S. I. 144 (kinh 176 ở trước); S. I. 149 (kinh 180, 181 ở trước).

Bậc Thánh Giả, Mâu-ni,
Đã vượt qua đau khổ.

Đại thần lực Mục-liên,
Quán tâm các vị ấy,
Biết họ được giải thoát,
Không còn có sanh y.

Như vậy họ hầu hạ,
Mâu-ni Gotama,
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ,
Mọi đức tánh vẹn toàn.

XI. KINH GAGGARĀ (*Gaggarāsutta*) (S. I. 195)

219. Một thời, Thế Tôn ở Campā,¹⁵ trên bờ hồ Gaggarā với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, với bảy trăm nam cư sĩ, với bảy trăm nữ cư sĩ và vài ngàn chư thiên. Giữa đại chúng ấy, Thế Tôn chói sáng vượt bậc về quang sắc và danh xưng.

Rồi Tôn giả Vaṅḡsa suy nghĩ: “Nay Thế Tôn trú ở Campā, trên bờ hồ Gaggarā với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, với bảy trăm nam cư sĩ, với bảy trăm nữ cư sĩ và vài ngàn chư thiên. Giữa đại chúng ấy, Thế Tôn chói sáng vượt bậc về quang sắc và danh xưng. Vậy trước mặt Thế Tôn, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích ứng.”

Rồi Tôn giả Vaṅḡsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch:

– Bạch Thế Tôn, một cảm nghĩ đến với con. Bạch Thiện Thệ, một cảm nghĩ đến với con.

Thế Tôn đáp:

– Nay Vaṅḡsa, hãy nói lên cảm nghĩ ấy.

Rồi Tôn giả Vaṅḡsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán:

Như mặt trăng giữa trời,
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh, không cấu uế.
Cũng vậy, Ngài thật là
Đại Mâu-ni Hiền Thánh!
Danh xưng Ngài sáng chói,
Vượt qua mọi thế giới.

¹⁵ Campā là kinh đô xứ Aṅga, nay là Bhagalpur.

XII. KINH VAṄĠSĀ (*Vaṅḡsasutta*) (S. I. 196)

220. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vaṅḡsā chứng quả A-la-hán không bao lâu, thọ hưởng giải thoát lạc, ngay trong lúc ấy, nói lên những bài kệ này:

Thuở trước ta mê thơ,
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này, thành này,
Qua làng khác, thành khác.
Ta thấy bậc Chánh Giác,
Tín thành ta sanh khởi.

Ngài thuyết pháp cho ta,
Về uẩn, xứ và giới.
Sau khi nghe Chánh pháp,
Ta bỏ nhà xuất gia.

Vì hạnh phúc số đông,
Vì thấy đạo hành đạo,¹⁶
Cho Tỷ-kheo Tăng Ni,
Bậc Mâu-ni giác ngộ.

Ngài đã chấp nhận con,
Được thành đạo với Ngài.
Con chứng đạt Ba minh,
Hành trì theo Phật dạy.

Con biết được đời trước,
Chứng Thiên nhãn thanh tịnh,
Ba minh, thần thông lực,
Chứng đạt Tha tâm thông.

¹⁶ *Niyāmagataddasā* được giải thích là chứng được và thấy được. *Niyāma* là con đường, phương pháp đưa đến giải thoát. Xem PC. 177, n. 1.